

XÁC LẬP ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG BIỂU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP

ThS NGUYỄN XUÂN SƠN

Tổng cục Thuế

1. Những hạn chế của thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia hội nhập.

Khi Việt Nam hoàn tất các vòng đàm phán và bắt đầu trở thành thành viên chính thức của WTO, nghĩa là cơ hội hội nhập trọn vẹn vào nền kinh tế thế giới đã mở ra. Để tham gia vào sân chơi đó, Chính phủ Việt Nam với tư cách là cơ quan quản lý hành chính cao nhất phải đề xuất, điều chỉnh những luật chơi về kinh tế sao cho phù hợp với luật chơi chung của thế giới. *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp* Việt Nam là một trong những luật cần phải điều chỉnh bởi đang có những bất cập so với yêu cầu hội nhập và chưa phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn tới.

Một trong những nguyên tắc mà luật thuế Việt Nam nói chung và *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp* nói riêng cần tuân thủ là không phân biệt đối xử. Theo nguyên tắc này, hàng hoá, dịch vụ sản xuất tại nước ngoài vào Việt Nam, sau khi nộp thuế nhập khẩu (nếu có) thì phải được đối xử về thuế như hàng hoá, dịch vụ sản xuất tại Việt Nam. Nguyên tắc này trong giai đoạn đầu chưa quy định cho đối tượng kinh doanh, nhưng về thực chất thông qua hàng hoá và dịch vụ các đối tượng kinh doanh trong nước và ngoài nước về mặt nào đó cũng đã được đối xử như nhau. Bên cạnh đó, việc Hoa Kỳ chưa công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường trong thời gian 12 năm, kể từ sau khi chính thức được gia nhập WTO cùng với các đề nghị giảm

và tiến đến xoá bỏ các chính sách trợ cấp kể cả thông qua hình thức giảm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TTNDN) cũng là một đòi hỏi bức bách khiến chúng ta phải điều chỉnh *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp* hiện hành để đẩy nhanh tiến độ được công nhận là một nền kinh tế thị trường trong các năm gần nhất.

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam hiện nay tuy tiến bộ và cởi mở hơn rất nhiều so với *Luật Thuế lợi tức* trước đó và đã đóng góp vai trò rất lớn trong việc huy động nguồn thu vào ngân sách nhà nước, nhưng còn hàm chứa nhiều bất cập, đòi hỏi phải thay đổi, bổ sung khi đất nước hội nhập. Những bất cập điển hình là:

Về đối tượng nộp thuế: TTNDN chỉ quy định chủ yếu cho các doanh nghiệp được thành lập ở Việt Nam, bởi lẽ nền kinh tế Việt Nam trước đây chỉ cho phép các nhà đầu tư nước ngoài hoạt động tồn tại dưới 3 hình thức theo *Luật Đầu tư nước ngoài* (hợp đồng hợp tác kinh doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh). Nhưng hiện nay, Việt Nam mở rộng cửa cho tất cả các doanh nghiệp kể cả những doanh nghiệp không được thành lập trên lãnh thổ Việt Nam, nên *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp* cũng cần phải điều chỉnh cho phù hợp. Bên cạnh đó, doanh nghiệp tư nhân và những người hành nghề độc lập vẫn là đối tượng nộp TTNDN, điểm này, không phù hợp với quy định về đối tượng thu thuế của các quốc gia khác trên thế giới. Ngoài ra, TTNDN vẫn đang nhìn nhận hoạt động sản xuất nông

nghiệp là một hoạt động sản xuất tự cấp, tự túc, đây là điểm mà một số nước cho là hoạt động trợ cấp nông nghiệp cần xem xét điều chỉnh lại.

Về các khoản chi phí hợp lý: Việc xác định các khoản chi phí hợp lý còn nặng nề và chủ quan theo thực trạng kinh tế Việt Nam. Có những khoản Việt Nam cho rằng chưa hợp lý và không được trừ vào chi phí nhưng thông lệ quốc tế thì được phép và ngược lại có những khoản mà Việt Nam cho đưa vào chi phí hợp lý nhưng thông lệ quốc tế không cho phép đưa vào. Do vậy, tất cả các khoản này đều phải được rà soát cẩn thận theo nguyên tắc luật trong nước tiến dần đến luật chung.

Về biểu thuế: TTNDN thông thường được áp dụng biểu thuế suất một mức cố định để tiện cho việc tính toán thu thuế và đơn giản trong việc xác định hiệu quả kinh doanh của từng thương vụ cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong giai đoạn trước mắt, việc tập trung nguồn lực để hình thành các tập đoàn kinh tế có quy mô lớn nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh đã đặt ra một yêu cầu mới. Cần phải khắc phục được việc kê khai nộp thuế không trung thực, giấu lợi nhuận bằng nhiều cách, xé lẻ các doanh nghiệp lớn thành các doanh nghiệp nhỏ đang diễn ra tương đối phổ biến để trốn thuế. Thuế suất TTNDN tuy đã có hạ, song so với một số nước trong khu vực vẫn còn cao, làm cho tình trạng xác định giá chuyển nhượng không đúng sự thật còn phổ biến, chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư có quy mô lớn. Tất cả những điểm trên đòi hỏi phải xem xét một phương án tính thuế khác phù hợp hơn với giai đoạn trước mắt.

Về ưu đãi, giảm thuế: Trong thời gian qua, chính sách TTNDN Việt Nam luôn quan tâm nhiều đến việc miễn giảm thuế để ưu đãi đầu tư theo ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, theo lượng lao động sử dụng và theo trị giá hàng hoá xuất khẩu. Đây cũng chính là một trong những nội dung được xem như trợ cấp để cạnh tranh nếu hàng

hoá Việt Nam mang đi xuất khẩu và tất yếu sẽ gặp rào cản của các luật chống trợ cấp của nhà nước.

Với những tồn tại nêu trên, *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp* Việt Nam cần phải có một sự thay đổi nhất định để đảm bảo vừa có thể hội nhập tốt nhưng cũng vừa giúp các doanh nghiệp Việt Nam tăng cường năng lực cạnh tranh trên sân nhà. Đặc biệt, có thể giúp Nhà nước củng cố và xây dựng được các tập đoàn kinh tế hùng mạnh nhằm giữ vững định hướng XHCN ở nước ta.

2. Xây dựng biểu thuế thu nhập doanh nghiệp trong nền kinh tế hội nhập.

Hệ thống TTNDN của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập hiện nay cần đạt được một số mục tiêu sau:

Một là, góp phần cùng các sắc thuế khác thực hiện nhiệm vụ huy động tiền thuế vào ngân sách nhà nước để đảm bảo chỉ tiêu thu thuế và phí trên GDP từ 19 đến 21%.

Hai là, phải tạo điều kiện phát triển và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đối tượng sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế. Sau khi nộp thuế, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp phải có điều kiện phát triển mạnh hơn cả về số lượng lẫn quy mô. Hoạt động đầu tư gia tăng, xuất khẩu và các hình thức mở rộng thị trường khác phát triển đúng hướng.

Ba là, thực hiện nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt các đối tượng chịu thuế, TTNDN phải thể hiện rõ quan điểm này, nhưng đồng thời cũng quán triệt vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Bốn là, phải tương thích và phù hợp với nội dung về thuế mà Việt Nam đã cam kết với các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và các quốc gia trong hiệp định đa phương hoặc song phương.

Năm là, TTNDN phải thực sự đơn giản, dễ hiểu để chi phí thu thuế thấp nhất.

Với các mục tiêu nêu trên, Việt Nam

cần áp dụng biểu TTNDN lũy thoái để tạo tích lũy, bên cạnh đó, cần có những thuế suất ưu đãi và phân biệt đối xử riêng biệt, phù hợp với xu thế hội nhập trên thế giới. Trong biểu thuế lũy thoái, việc khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường quy mô lợi nhuận, tích tụ vốn thông qua sáp nhập, hình thành những tập đoàn kinh tế mạnh, có tiềm năng và khuyến khích các hoạt động đầu tư có hiệu quả thể hiện rõ khi thiết kế biểu thuế. Trong biểu TTNDN lũy thoái, các doanh nghiệp có khối lượng thu nhập chịu thuế càng cao thì thuế suất bình quân sẽ càng hạ. Điều này có thể tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp có cùng chủ sở hữu hoặc nhiều sở hữu hợp lại với nhau để tăng khối lượng thu nhập chịu thuế hoặc thành lập những doanh nghiệp có quy mô lớn, do đó, hạn chế được tình trạng xé lẻ doanh nghiệp để cơ động trốn thuế, tránh thuế như hiện nay. Đây chính là một trong những nhân tố thúc đẩy việc hình thành những tập đoàn kinh tế, những doanh nghiệp nhà nước mạnh, điều này cũng góp phần hạn chế tình trạng giấu doanh thu bằng mọi giá để có được thu nhập chịu thuế thấp như hiện nay đang diễn ra. Biểu thuế suất lũy thoái chỉ được áp dụng với các doanh nghiệp là đối tượng cư trú tại Việt Nam (là các doanh nghiệp thành lập theo luật pháp Việt Nam), đây là điểm phù hợp mà thông lệ quốc tế cho phép nhằm khuyến khích hơn nữa việc thành lập các doanh nghiệp cư trú và hoạt động ổn định trong quá trình kinh doanh tại Việt Nam. Các khoản thu nhập của đối tượng nộp TTNDN không đủ điều kiện áp dụng thuế suất lũy thoái sẽ phải nộp thuế theo một mức nhất định, đó là mức thuế suất cao nhất trong biểu thuế lũy thoái. Những doanh nghiệp có quy mô thu nhập chịu thuế lớn là những doanh nghiệp có mức thuế suất bình quân thấp và có khả năng chi trả cho người góp vốn cao. Thu nhập sau thuế thuộc Nhà nước và các phần thu nhập sau thuế không chia của các doanh nghiệp sẽ không phải chịu thuế thu nhập cá nhân,

điều này khuyến khích hoạt động tái đầu tư của doanh nghiệp cư trú và đặc biệt là sự tăng trưởng, tích tụ vốn tại các doanh nghiệp nhà nước. Đây chính là điểm lợi để cho các doanh nghiệp nhà nước có thêm năng lực để khai thác và các tập đoàn kinh tế mạnh được hình thành nhằm giữ vững vai trò chủ đạo của mình trong việc xây dựng một nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.

Biểu TTNDN lũy thoái dự kiến như sau:

Thu nhập chịu thuế/năm	Thuế suất biên	Thuế suất bình quân
Đến 10 tỉ đồng	30%	30%
Trên 10-100 tỉ đồng	25%	25,5-30%
Trên 100 tỉ đồng	20%	20-25,5%

Qua biểu đồ trên, để tránh việc giảm thu ngân sách từ TTNDN khi ban hành biểu thuế mới, chỉ cần quy định thuế suất biên cao nhất tương ứng với mức thu nhập chịu thuế cao nhất hiện nay là đủ (ở đây tạm tính là 10 tỉ đồng). Bên cạnh đó cần ban hành thêm các thuế suất ưu đãi là 15% và ưu đãi cao 0%. Các thuế suất ưu đãi này được áp dụng cho các dự án, các khoản thu nhập thuộc danh mục ưu đãi mà Chính phủ quy định trong từng thời kì, trong thời hạn ưu đãi. Thuế suất ưu đãi được tính thay cho việc áp biểu thuế lũy thoái thông thường trên toàn bộ khối lượng thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi. Riêng thuế suất ưu đãi cao 0% được áp dụng cho thu nhập của các doanh nghiệp cư trú thu được từ các hoạt động đầu tư hoặc liên doanh và các hoạt động ưu đãi khác theo quy định của Chính phủ.

Ngoài ra, cần ban hành thuế suất quản lý đặc biệt 15% tính trên tổng thu nhập của các doanh nghiệp được đưa vào chế độ quản lý đặc biệt theo quy định của Luật Quản lý thuế, tránh tình trạng ấn định thuế tùy tiện hiện nay đang là một nỗi lo không chỉ từ phía doanh nghiệp mà còn có từ cả phía người ấn định thuế. Mặt khác, cần phải áp dụng biểu thuế khấu trừ tại nguồn

dùng để tính TTNDN cho các đối tượng không cư trú tại Việt Nam (là những doanh nghiệp không được thành lập theo luật pháp Việt Nam nhưng có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam). Mức thuế này đánh trên toàn bộ thu nhập không giảm trừ chi phí và có điều chỉnh với các quốc gia kí kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Cụ thể:

- Thu nhập do chuyển giao công nghệ: 10%.

- Lãi cổ phần, tiền lãi các loại và thu

nhập khác: 15%.

- Thu nhập quà biếu, thừa kế: 30%.

Tóm lại, cần phải xây dựng một biểu TTNDN đúng đắn, có khả năng phát huy lợi thế của các thành phần kinh tế XHCN nói riêng và các doanh nghiệp trong nước nói chung, phù hợp với các nguyên tắc hội nhập trong giai đoạn hiện nay. Điều này có thể tạo cơ hội và lợi thế phát triển cho các doanh nghiệp trong nước và đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước □

* * * * *

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC...

(Tiếp theo trang 13)

Ba là, để KTNN thật sự là một công cụ kiểm tra, kiểm soát có hiệu quả, *hoạt động KTNN phải đảm bảo tính độc lập cao*. Tính độc lập là vấn đề cốt lõi của hoạt động KTNN, được hiểu trên hai giác độ: kiểm toán phải được hoàn toàn độc lập, khách quan trong khi thực hiện nhiệm vụ và được đảm bảo sự độc lập thông qua các quy định, chế tài để tránh mọi sự tác động trực tiếp hay gián tiếp. Điều này có nghĩa là hoạt động của KTNN phải được chế định trong đạo luật gốc là *Hiến pháp*, đồng thời phải phù hợp với Tuyên bố Lima tại Hội nghị lần thứ IX của INTOSAI ("*Cơ quan kiểm toán tối cao chỉ có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách khách quan và hiệu quả khi nó độc lập với đơn vị được kiểm toán và được đảm bảo chống lại các ảnh hưởng từ bên ngoài*").

Bốn là, để nâng cao hiệu quả hoạt động của KTNN trong việc phát hiện và phòng chống tham nhũng, lãng phí, *KTNN không chỉ dừng lại ở kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán tuân thủ mà cần triển khai và đẩy mạnh loại hình kiểm toán hoạt động*. Qua kiểm toán hoạt động, sẽ có điều kiện xác định tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực trong hoạt động thu - chi tài chính nhà nước và những thất thoát do chi sai mục đích, sai chế độ cũng như khuất tất trong quyết định đầu tư hoặc thực hiện chương

trình, dự án... Trong hoạt động này, có thể tham khảo kinh nghiệm của KTNN Trung Quốc để triển khai kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo và người đứng đầu các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước hoặc nhà nước nắm cổ phần chi phối. Thực tế cho thấy, đây là một trong những biện pháp phòng chống gian lận và tham nhũng rất có hiệu quả. Kết quả kiểm toán các hoạt động kinh tế của đơn vị trong nhiệm kỳ của cán bộ lãnh đạo được các cấp quản lý lấy làm cơ sở để đánh giá, bố trí và sử dụng cán bộ; thậm chí cách chức, bãi miễn hoặc truy tố trước pháp luật nếu cán bộ đó có sai phạm.

Năm là, để khắc phục hạn chế về nhân lực (hiện tại, do hạn chế về nhân lực, hàng năm KTNN chỉ mới tiến hành kiểm toán được khoảng trên 30% số NSNN cấp tỉnh thành phố, báo cáo tài chính của khoảng 20% số bộ, ngành ở trung ương và cũng mới chỉ thực hiện thẩm định, kiểm tra một số nội dung của báo cáo quyết toán NSNN...) và KTNN vẫn chưa thể tự trang trải toàn bộ kinh phí hoạt động, Nhà nước cần phải bổ sung thêm cán bộ, kiểm toán viên, nhất là những chuyên gia giỏi ở các lĩnh vực mà KTNN có trách nhiệm kiểm toán. Đồng thời, Nhà nước cần đảm bảo kinh phí đầy đủ cho các hoạt động kiểm toán, giảm dần và tiến tới độc lập cơ bản kinh phí cho KTNN □